

Số: /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

DỰ THẢO

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ

dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày ... tháng 09 năm 2019 về việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành, cụ thể như sau:

1. Khoản 1, khoản 4 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc xác định danh mục các nhiệm vụ và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được tổ chức hàng năm.

4. Tất cả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đều phải bảo vệ thuyết minh nhiệm vụ, nghiệm thu trước Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Riêng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được bảo vệ trước Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu tối đa 02 lần (Chi phí tổ chức Hội đồng KH&CN lần 2 do đơn vị chủ trì thực hiện chịu trách nhiệm chi trả).

2. Khoản 5 Điều 5 được sửa đổi như sau:

“5. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng nghiệm thu) có 09 thành viên bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên phản biện, Ủy viên thư ký khoa học và các Ủy viên khác, trong đó:

a) 06 thành viên là các nhà khoa học, chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực được giao tư vấn đánh giá; 03 thành viên là chuyên gia, nhà khoa học đại diện cho Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ;

b) Thành viên là nhà khoa học, chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm a Khoản này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia Hội đồng nghiệm thu

nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên phản biện, Ủy viên thư ký khoa học.”

3. Bổ sung vào khoản 1, khoản 3 Điều 11 như sau:

a) Bổ sung điểm g vào khoản 1 như sau:

“g) Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu B1-5-PHNC); và Văn bản cam kết ứng dụng kết quả nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân đặt hàng (nếu có)

b) Bổ sung điểm c, d, e, f, g vào khoản 3 như sau:

“c) Việc mở, kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ chức Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các nội dung, trình tự, thủ tục và biểu mẫu quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ:

- Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp Bộ giao địa phương sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo giai đoạn 05 (năm) năm do UBND tỉnh quyết định thành lập:

- Tổ thẩm định bao gồm 06 thành viên, trong đó: Đại diện Lãnh đạo Sở KH&CN – Tổ trưởng; Đại diện Sở Tài chính – Tổ phó; Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư – thành viên; Đại diện Hội đồng tuyển chọn giao trực tiếp (Chủ tịch/Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng) – Thành viên; Phụ trách Kế toán Sở KH&CN – thành viên; Đại diện Phòng Quản lý khoa học thuộc Sở KH&CN – Thành viên.

- Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phức tạp, đặc thù hoặc yêu cầu đặc biệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định thêm số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác với quy định nêu trên.

- Căn cứ Quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí theo giai đoạn 05 (năm) năm của UBND tỉnh và danh mục nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt hàng năm, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định nhân sự cụ thể các thành viên Tổ thẩm định hoặc mời chuyên gia khác (nếu có);

- Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại điều 13 và 14 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 và có từ 01 đến 02 thư ký hành chính giúp việc.

e) Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp

- Trước khi phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự kiến phê duyệt được vận dụng theo quy định khoản 2 điều 15 của Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến của các chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận lại thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định hoặc ngày nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Tổ thẩm định kinh phí, ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, phương thức khoán (khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, khoán chi từng phần), tổng mức kinh phí và mức kinh phí khoán, thời gian thực hiện nhiệm vụ.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

f) Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng với đơn vị chủ trì để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được vận dụng theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu “Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, thời gian và kinh phí thực hiện

nhiệm vụ; cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ với đơn vị chủ trì theo quy định.

g) Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

- Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 7 Quy định này;

- Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

- Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

4. Khoản 3 Điều 12 được sửa đổi như sau:

“3. Báo cáo định kỳ và các tài liệu liên quan vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định kiểm tra đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.”

5. Điều 13 được sửa đổi như sau:

“1. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Xử lý kết quả đánh giá, công nhận nghiệm thu nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá mức "Đạt" trở lên sẽ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN bị đánh giá mức "Không đạt", Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng nghiệm thu về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý đối với các nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành.

c) Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ không đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

6. Điều 15 được sửa đổi như sau:

“Điều 15. Ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có Quyết định công nhận kết quả, đơn vị đặt hàng có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ do mình đề xuất đặt hàng và định kỳ hằng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.”

7. Khoản 2 Điều 17 được sửa đổi như sau:

“2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bị chấm dứt thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 16 của Quy định này. ”

8. Khoản 1, 2, 3 Điều 18 được sửa đổi như sau:

“1. Các nội dung và định mức chi để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Dự toán kinh phí của nhiệm vụ bao gồm kinh phí cho việc thực hiện nội dung nhiệm vụ và kinh phí hoạt động quản lý các nhiệm vụ của Sở Khoa học và công nghệ, được phân bổ và giao dự toán chi ngân sách thông qua Sở Khoa học và Công nghệ

a) Kinh phí thực hiện nội dung gồm kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Kinh phí quản lý các nhiệm vụ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho các hoạt động quản lý;

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các nhiệm vụ huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.”

9. Điều 22 được sửa đổi như sau:

“Điều 22. Quản lý và xử lý tài sản được trang bị để triển khai thực hiện và tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quản lý và xử lý tài sản được trang bị để triển khai thực hiện và tài sản là vật tư thu được trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước và Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

10. Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi như sau:

“1. Việc quản lý và xử lý tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thể hiện dưới dạng tài sản hữu hình và tài sản vô hình được quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của

Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước và Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

Việc xác định giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước quy định Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.”

11. Khoản 2 Điều 27 được sửa đổi như sau:

“2. Có trách nhiệm phối hợp với tổ chức chủ trì nhiệm vụ nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Các nội dung khác của Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PCVP;
- Lưu: VT, CNN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Tiến Dũng